

Bản án số: 531/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Rành
- Bà Võ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số: 33/TB-TA ngày 16/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Trụ sở: Số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số 45 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Duy L, sinh năm 1986 (Giấy ủy quyền số: 148.01/2024/UQ- Ngân hàng Đ ngày 05/3/2024).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, The H, số 15 đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 1592/14 đường H, tổ 15, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đỗ Duy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2023 của Ngân hàng Đ và quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Duy L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/9/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/HĐTD-OC-CN với Ngân hàng Đ để vay số tiền 7.700.000.000 đồng; mục đích vay mua bất động sản. Thời hạn vay: 216 tháng; lãi suất vay: trong 3 tháng đầu lãi suất là 10%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây là kỳ điều chỉnh lãi suất) kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 17/12/2020 theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) : Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng do biểu lãi suất được Ngân hàng Đ ban hành từng thời kỳ. Biên độ lãi suất: tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là nhà đất tại số 72 đường H, Phường H, thành phố T, tỉnh L (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX835442, số vào sổ CGCN: CS05035 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11/9/2020) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0222/2020/BĐ lập ngày 17/9/2020 tại Văn phòng Công chứng H, tỉnh L; số công chứng: 2674, quyền số: 09 TP/CC-SCC/HĐGD.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nhận đủ số tiền vay 7.700.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số: 0222.01/2020/KUNN-OC-CN ngày 17/09/2020.

Ngày 05/5/2023, bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp số tiền 8.446.000 đồng, Ngân hàng Đ đã thu hồi đối với phần nợ gốc đồng thời Ngân hàng Đ đã giải chấp phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật (đã giải chấp tài sản bảo đảm tiền vay từ ngày 16/5/2022 theo Thông báo số: 1339/2024/TB/OC-HCM ngày 24/7/2024 của Ngân hàng Đ - Chi nhánh TP.HCM).

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Cẩm T đã thanh toán cho Ngân hàng Đ được tổng số tiền là 8.741.560.817 đồng, trong đó nợ gốc là 7.700.000.000 đồng và nợ lãi là 1.041.560.817 đồng (bà Thúy đã thanh toán xong toàn bộ nợ gốc). Đối với phần nợ lãi còn lại Ngân hàng Đ đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng Đ nhưng đến nay bà Nguyễn Thị Cẩm T vẫn không thanh toán.

Do bà Nguyễn Thị Cẩm T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/HĐTD-OC-CN ngày 17/09/2020 và Khế ước nhận nợ số: 0222.01/2020/KUNN-OC-CN ngày 17/09/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Đ với bà Nguyễn Thị Cẩm T, nên Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho Ngân hàng Đ tổng dư nợ lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 532.482.574 đồng (trong đó lãi trong hạn 324.332.743 đồng, lãi quá hạn 57.571.827 đồng và lãi chậm trả lãi trên nợ gốc

trong hạn 150.578.004 đồng và bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Cẩm T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà T không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Cẩm T thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Đỗ Duy L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho Ngân hàng Đ tổng dư nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/ HĐTD-OC-CN ngày 17/09/2020, tính đến ngày 12/9/2024 là 532.482.574 đồng (trong đó lãi trong hạn 324.332.743 đồng, lãi quá hạn 57.571.827 đồng và lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 150.578.004 đồng) và bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh và phí phát sinh, kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Cẩm T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả tổng dư nợ lãi của Hợp đồng tín dụng như đã nêu trên. Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Duy L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm T, tại phiên tòa ngày 24/7/2024 và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho Ngân hàng Đ tổng dư nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/HĐTD-OC-CN ngày 17/09/2020, tính ngày 12/9/2024 là 532.482.574 đồng (trong đó lãi trong hạn 324.332.743 đồng, lãi quá hạn 57.571.827 đồng và lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 150.578.004 đồng) và bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi và phí phát sinh, kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Cẩm T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/HĐTD-OC-CN ký ngày 17/09/2020; Khế ước nhận nợ số: 0222.01/2020/KUNN-OC-CN ký ngày 17/09/2020 đã có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm T có vay của Ngân hàng Đ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là 7.700.000.000 đồng với mục đích mua bất động sản và đã nhận đủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ nêu trên.

[3.2] Căn cứ Bảng chi tiết tính lãi khách hàng Nguyễn Thị Cẩm T (tạm tính đến ngày 29/11/2023) của Ngân hàng Đ thể hiện bà Nguyễn Thị Cẩm T đã thanh toán cho Ngân hàng Đ được tổng số tiền là 8.741.560.817 đồng (trong đó nợ gốc là 7.700.000.000 đồng và nợ lãi là 1.041.560.817 đồng).

[3.3] Căn cứ Bảng tính lãi khách hàng Nguyễn Thị Cẩm T (Hợp đồng tín dụng số: 0222/2020/HĐTD-OC-CN ngày 17/09/2020) của Ngân hàng Đ thể hiện tính đến ngày 12/9/2024 bà Nguyễn Thị Cẩm T còn nợ Ngân hàng Đ số tiền

532.482.574 đồng (trong đó lãi trong hạn 324.332.743 đồng, lãi quá hạn 57.571.827 đồng và lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 150.578.004 đồng). Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm T có vay của Ngân hàng Đ và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên, nên yêu cầu của Ngân hàng Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải thanh toán cho Ngân hàng Đ toàn bộ tiền nợ lãi như đã nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.299.303 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho Ngân hàng Đ tổng dư nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 0222/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 17/09/2020, tính đến ngày 12/9/2024 là 532.482.574 (năm trăm ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi bốn) đồng (trong đó lãi trong hạn 324.332.743 đồng, lãi quá hạn 57.571.827 đồng và lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn 150.578.004 đồng).

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 13/9/2024, cho đến khi thi hành án xong bà Nguyễn Thị Cẩm T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.299.303 (hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi chín ngàn ba trăm lẻ ba) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.899.861 (mười hai triệu tám trăm chín mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi một) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037902 ngày 30/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (Thúy Loan)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA